TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 59/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 512/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1997; CCCD: 031197014154 ngày cấp 23/9/2022; Địa chỉ: Lô B, phường T (Phường B, quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Mai Xuân H, sinh năm 1992; CCCD: 079092037050 ngày cấp 04/5/2021; Địa chỉ: B C, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2023, đăng ký ngày 19/6/2023 tại Ủy ban nhân dân phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Đỗ Thị X và ông Mai Xuân H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Tòa án công nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có sự hòa hợp trong quan hệ giữa hai bên gia đình từ đó vợ chồng dần xa cách, tình cảm không còn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện và không trái pháp luật nên được công nhận.

[3] Về con chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét.

[6] Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà X và ông H chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị X và ông Mai Xuân H thuận tình ly hôn.

1.2/ Về con chung: Không có.

1.3/ Về tài sản chung: Không có.

1.4/ Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đỗ Thị X và ông Mai Xuân H chịu toàn bộ và được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án do hai bên đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0080989 ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- UBND phường Tân Bình (P. 13, Q. Tân Bình cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch) theo giấy chứng nhận kết hôn số: x/202x, đăng ký ngày x/x/202x;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Mai Thị Bích Thảo